

Lái Thiêu, ngày 16 tháng 12 năm 2025

Số: 1306 /KH-TTYT

KẾ HOẠCH

Thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2025

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

Căn cứ Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Căn cứ Công văn số 3475/UBND-NCPC ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai kê khai tài sản, thu nhập năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 6674/KH-SYT ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2025

Trung tâm Y tế khu vực Thuận An xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc tổ chức thực hiện, thi hành pháp luật về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Tăng cường sự lãnh đạo của Sở Y tế đối với việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập và phục vụ hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập; đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập.

Triển khai việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập theo đúng các nội dung quy định tại Nghị định số 130/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Yêu cầu

Triển khai thực hiện đồng bộ, đầy đủ các quy định về kê khai, công khai tài sản, thu nhập, đảm bảo đúng quy định, tiến độ thời gian như : lập kế hoạch và phê duyệt danh sách đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập; kê khai tài sản, thu nhập theo đúng mẫu kê khai; tiến hành công khai bản kê khai, tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

Xác định đúng người có nghĩa vụ kê khai, công trùng lặp, tránh thiếu sót đối tượng cần phải kê khai, phục vụ công tác quản lý viên chức và phục vụ hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập góp phần phòng ngừa, và ngăn chặn hành vi tham nhũng tại cơ quan, đơn vị.

Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập phải kê khai rõ ràng, đầy đủ, trung thực, đúng thời hạn các thông tin về số lượng, giá trị tài sản, thu nhập và giải trình những biến động về tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ quyền hạn trong đơn vị nhằm không để xảy ra vi phạm phải xem xét xử lý.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập; mẫu bản kê khai và phương thức, thời điểm kê khai tài sản, thu nhập :

Đơn vị trực thuộc Sở Y tế lập danh sách có phê duyệt của Giám đốc đơn vị đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 gồm các đối tượng sau đây:

- Kê khai hàng năm được thực hiện đối với những trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 36 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 và Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

- Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động (tăng hoặc giảm) về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên.

Đối với những người lần đầu giữ vị trí công tác trong năm 2025: việc kê khai lần đầu phải được thực hiện trong năm 2025 theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 4 Điều 36 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018. Đến cuối năm 2025, đơn vị cần xác minh những người này thuộc diện kê khai hàng năm hay kê khai bổ sung để đưa vào danh sách phê duyệt theo quy định.

Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập thực hiện theo Phụ lục I, phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ. Người có nghĩa vụ kê khai **phải nộp 03 bản** kê khai tài sản, thu nhập về Phòng Tổ chức – Hành chính (02 bản gửi về Văn phòng Sở Y tế và 01 bản lưu để phục vụ công tác quản lý tổ chức cán bộ).

Phương thức và thời điểm kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 được thực hiện theo quy định tại khoản 1,2,3 và 4 Điều 36 Luật phòng chống tham nhũng năm 2018 và theo quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

Thời gian thực hiện: Việc kê khai tài sản, thu nhập phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo quy định tại khoản 2,3 Điều 36 Luật phòng chống tham nhũng năm 2018.

2. Việc tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập:

Việc tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định tại Điều 38 Luật phòng chống tham nhũng năm 2018 quy định về tiếp nhận, quản lý, bàn giao kê khai tài sản, thu nhập.

Thời gian thực hiện:

Phòng Tổ chức – Hành chính rà soát, kiểm tra bản kê khai, bàn giao 02 bản

Người có nghĩa vụ kê khai tài sản rà soát, kiểm tra bản kê khai, bàn giao 03 bản kê khai tài sản, thu nhập (bản giấy) và bản kê khai tài sản thu nhập bằng file PDF (mỗi người là 1 file PDF) về phòng Tổ chức – Hành chính **trước ngày 02 tháng 01 năm 2026**.

3. Việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2025:

Việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 được thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật phòng chống tham nhũng năm 2018 và điểm b khoản 1 và khoản 3,4,5 Điều 11 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

Thời gian thực hiện: Đơn vị trực thuộc Sở Y tế thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 trong thời gian 15 ngày **từ ngày 05 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 10 tháng 01 năm 2026**.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Giao nhiệm vụ phòng Tổ chức – Hành chính thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện và danh sách viên chức thuộc đối tượng phải thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 tại đơn vị.

- Nghiêm túc thực hiện công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập theo thời gian đã quy định, bàn giao **03 bản** kê khai tài sản, thu nhập (bản giấy) và bản kê khai tài sản thu nhập bằng file PDF (mỗi người là một file PDF) và báo cáo kết quả thực hiện theo phụ lục đính kèm về phòng Tổ chức cán bộ Sở Y tế **trước ngày 05 tháng 01 năm 2026**.

- Hướng dẫn người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập thực hiện các nội dung khi có vướng mắc trong quá trình kê khai tại đơn vị.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 của Trung tâm Y tế khu vực Thuận An, đề nghị các lãnh đạo các khoa, phòng, Trạm Y tế và toàn thể viên chức, người lao động của đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. 

Nơi nhận:

- Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ban Giám đốc;
- Khoa, phòng, Trạm Y tế;
- Lưu: VT, TCHC (Q).



Phan Quang Toàn



Phạm Quang Tuấn

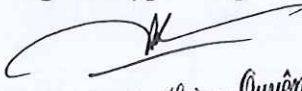
Lái Thiêu, ngày 14 tháng 12 năm 2025

**DANH SÁCH NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ THỰC HIỆN
KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2024**
(Đính kèm Kế hoạch số 1306/KH-TTYT ngày 14 tháng 12 năm 2025)

STT	Họ và tên	Chức danh	Chức vụ	Đôi trợng kê khai	Bộ phận, đơn vị công tác	Ghi chú
1.	Phan Quang Toàn	Bác sĩ CKII Quản lý Y tế	Giám đốc	Hàng năm	Ban Giám đốc - TTYT KV Thuận An	
2.	Lương Thiện Tích	Bác sĩ CKII Chấn thương chỉnh hình	Phó Giám đốc	Hàng năm	Ban Giám đốc - TTYT KV Thuận An	
3.	Trần Tuấn Huy Cường	Bác sĩ CKI Lao và bệnh nhiễm	Phó Giám đốc	Hàng năm	Ban Giám đốc - TTYT KV Thuận An	
4.	Đỗ Thanh Tiến	Thạc sĩ Y tế công cộng	Phó Giám đốc	Hàng năm	Ban Giám đốc - TTYT KV Thuận An	
5.	Lê Thanh Hải	Cử nhân Y tế công cộng	Trưởng phòng	Hàng năm	Phòng Tổ chức Hành chính – TTYT KV Thuận An	
6.	Đỗ Đình Phương Thảo	Cử nhân Luật	Phó Trưởng phòng	Hàng năm	Phòng Tổ chức Hành chính – TTYT KV Thuận An	
7.	Lê Thanh Phúc	Cử nhân Hành chính	Phó Trưởng phòng	Hàng năm	Phòng Tổ chức Hành chính – TTYT KV Thuận An	
8.	Nguyễn Thị Trà Giang	Bác sĩ CKI Nội tiết	Trưởng phòng	Lần đầu	Phòng Kế hoạch Nghịệp vụ - TTYT KV Thuận An	
9.	Nguyễn Xuân Nghĩa	Thạc sĩ Sản phụ khoa	Phó Trưởng phòng	Lần đầu	Phòng Kế hoạch Nghịệp vụ - TTYT KV Thuận An	
10.	Lê Thị Bình	Thạc sĩ Kế toán	Trưởng phòng	Hàng năm	Phòng Tài chính Kế toán – TTYT KV Thuận An	
11.	Nguyễn Long Sang	Cử nhân Kế toán	Phó Trưởng phòng	Hàng năm	Phòng Tài chính Kế toán – TTYT KV Thuận An	

STT	Họ và tên	Chức danh	Chức vụ	Đối tượng kê khai	Bộ phận, đơn vị công tác	Ghi chú
12.	Nguyễn Đoàn Hoàng Thiện	CKI. Dược	Trưởng phòng	Hàng năm	Phòng Vật tư – thiết bị y tế - TTYT KV Thuận An	
13.	Trần Mỹ Lệ	Cử nhân Dược	Phó Trưởng phòng	Hàng năm	Phòng Vật tư – thiết bị y tế - TTYT KV Thuận An	
14.	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Cử nhân Dược – Ths QLBV	Trưởng khoa	Hàng năm	Khoa Dược – TTYT KV Thuận An	
15.	Ngô Thanh Duyên	Cử nhân Dược	Phó Trưởng khoa	Hàng năm	Khoa Dược – TTYT KV Thuận An	
16.	Võ Thanh Tùng	Cử nhân Luật	Phó Trưởng khoa	Hàng năm	Khoa An toàn thực phẩm – TTYT KV Thuận An	

Người lập bảng


Lương Thị Hoàng Quyền

Thủ trưởng đơn vị




Phan Quang Toàn

PHỤ LỤC

Phần I

MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU, KÊ KHAI HÀNG NĂM, KÊ KHAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ
(Kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ)

A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP ...⁽¹⁾
(Ngày..... tháng..... năm.....)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Chức vụ/chức danh công tác:
- Cơ quan/đơn vị công tác:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾:ngày cấp..... nơi cấp

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nghề nghiệp:
- Nơi làm việc⁽⁴⁾:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp..... nơi cấp

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:ngày cấp.....nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾:
- Diện tích⁽⁹⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾:
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:
- Loại nhà⁽¹⁴⁾:
- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai:

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			

..... ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

..... ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần II

**MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI
TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG**

(Kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ)

A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG
(Ngày.....tháng.....năm.....) ⁽¹⁾

I. THÔNG TIN CHUNG ⁽²⁾

II. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁾ /giảm ⁽⁴⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng khác:			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất:			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất là rừng trồng			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁾ /giảm ⁽⁴⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bộ bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, tiền điện tử, các loại tài sản khác...).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai ⁽⁵⁾ .			

III. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽⁶⁾

.....

.....

B. HƯỚNG DẪN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG

(1) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.

(2) Ghi như phần thông tin chung trong Mẫu bản kê khai tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

(3) Nếu tài sản tăng thì ghi dấu cộng (+) và số lượng tài sản tăng vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản tăng vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân tăng vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(4) Nếu tài sản giảm thì ghi dấu trừ (-) vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản giảm vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột “Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(5) Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai (xem ví dụ tại điểm 32 phần hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này).

(6) Ghi như mục II “Thông tin mô tả về tài sản” theo mẫu bản kê khai và hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này. Lưu ý chỉ kê khai về những tài sản mới tăng thêm, không kê khai lại những tài sản đã kê khai trước đó.

